

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tư vấn đầu tư PP Enterprise

Ngày 30/09/2025	12,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	18.5%	-1.5%

DT thuần Q3/25
67.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 67.8
YoY: ▲ 64.1 1717%

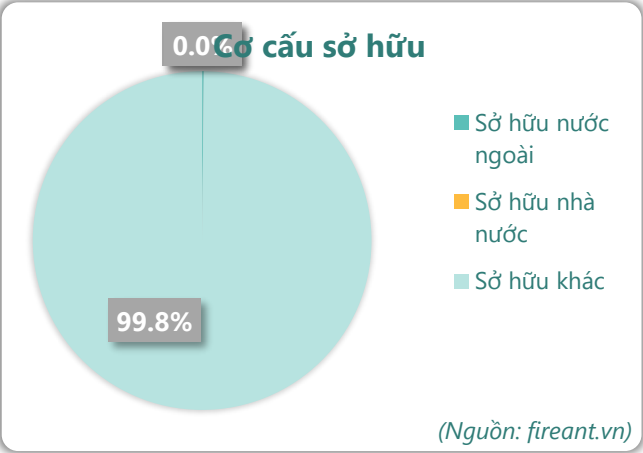
LN thuần Q3/25
0.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.32 3193%
YoY: ▼0.04 -11.6%

LN sau thuế Q3/25
0.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.18
YoY: ▼0.34 -64.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
0.5%

ROE (TTM) Q3/25
16.7%
YoY: +/-▼ 5.4%

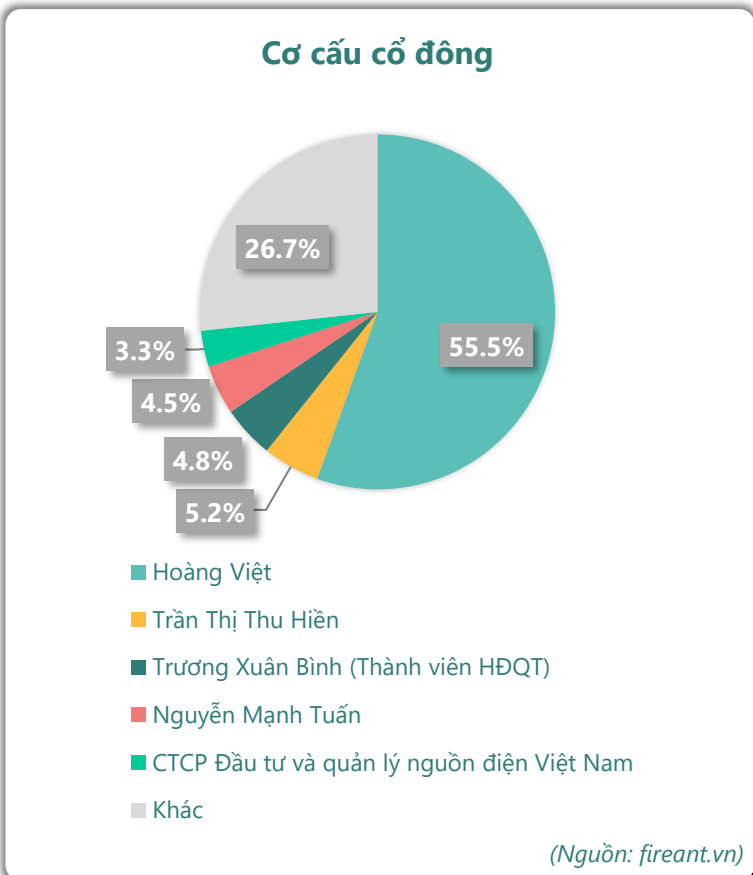
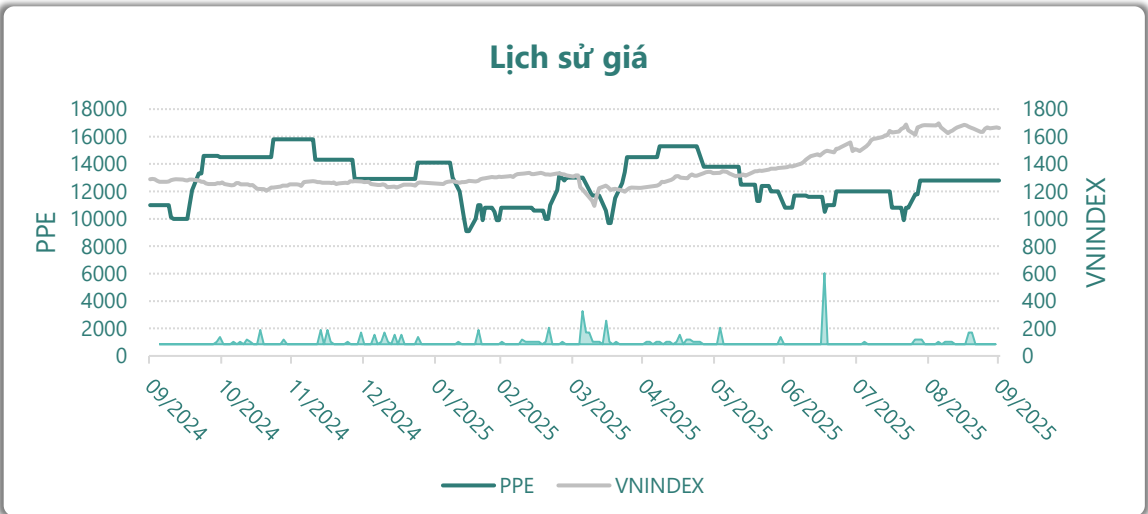
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,100 - 15,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26
Số lượng CPLH (CP)	2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.22
EPS	1,188
P/E	10.8



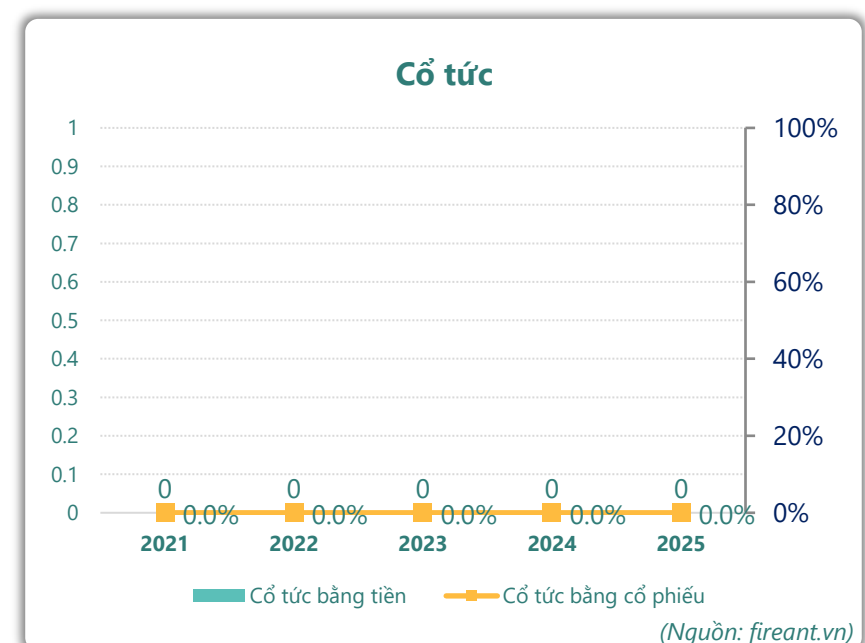
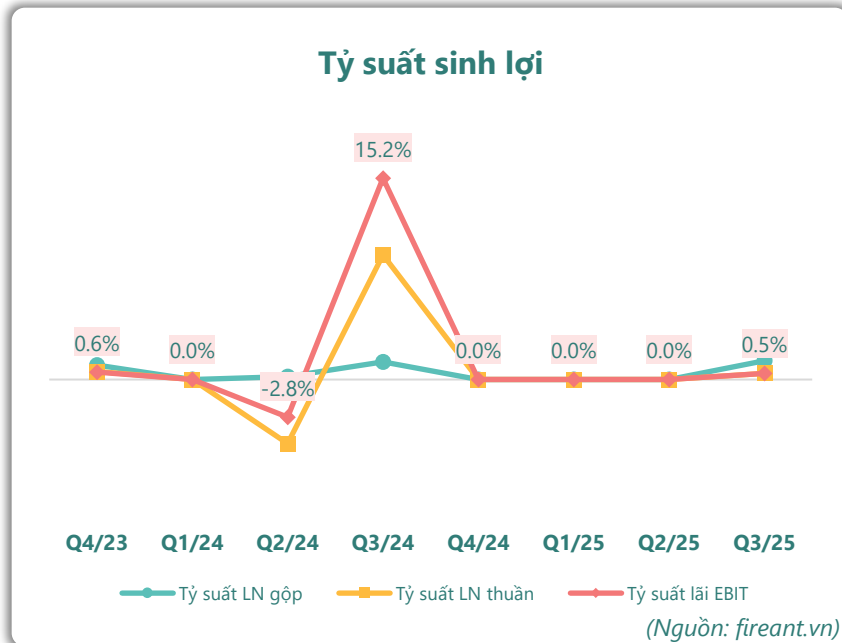
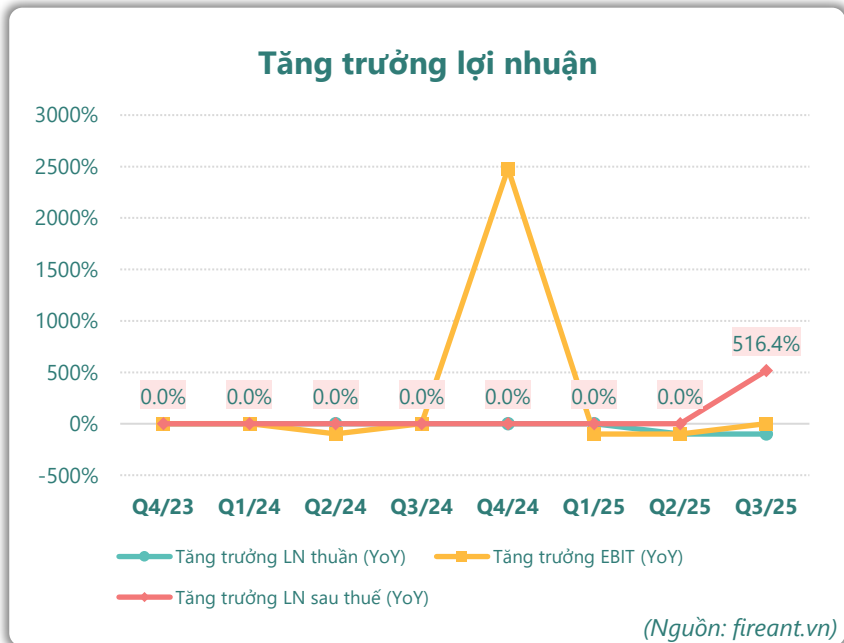
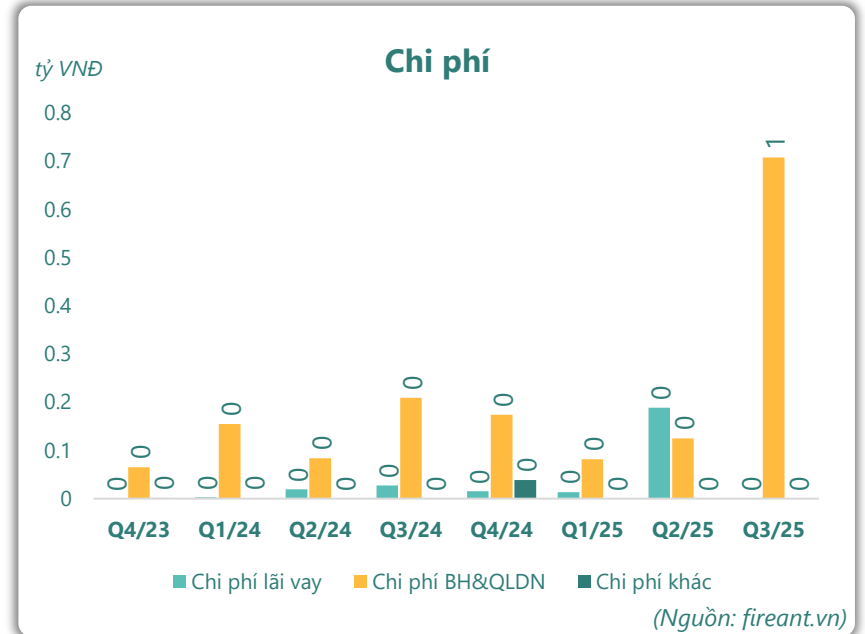
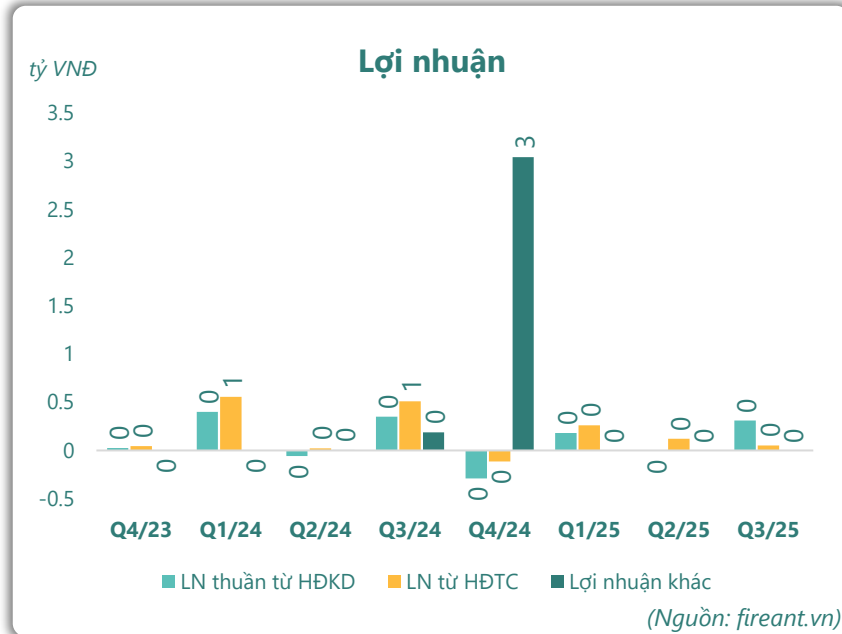
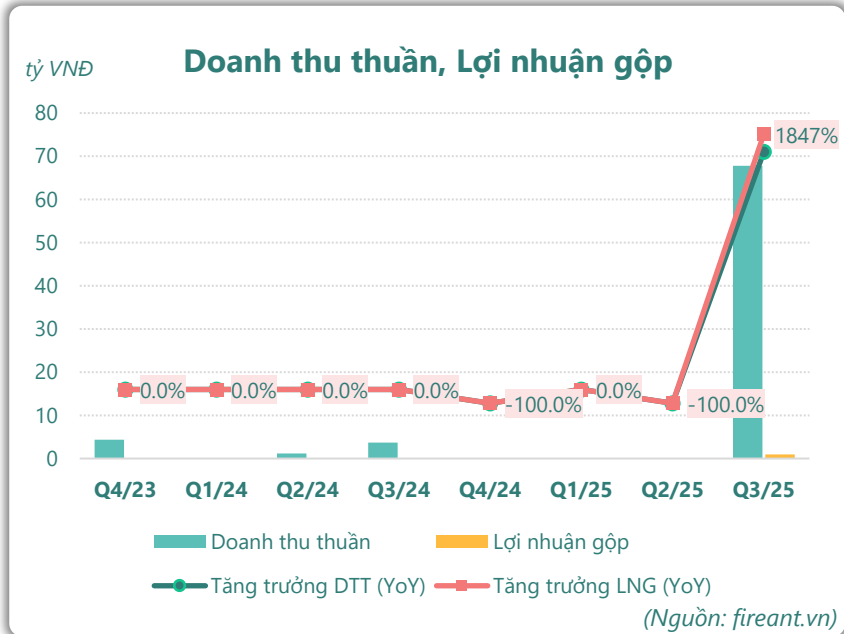
DT thuần 9T 2025
67.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 62.9 1274%

LN thuần 9T 2025
0.48
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.21 -30.2%

LN sau thuế 9T 2025
0.32
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.55 -62.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH



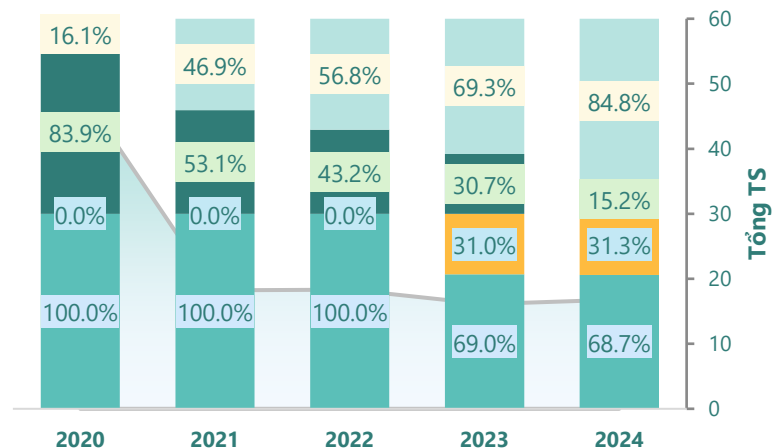


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

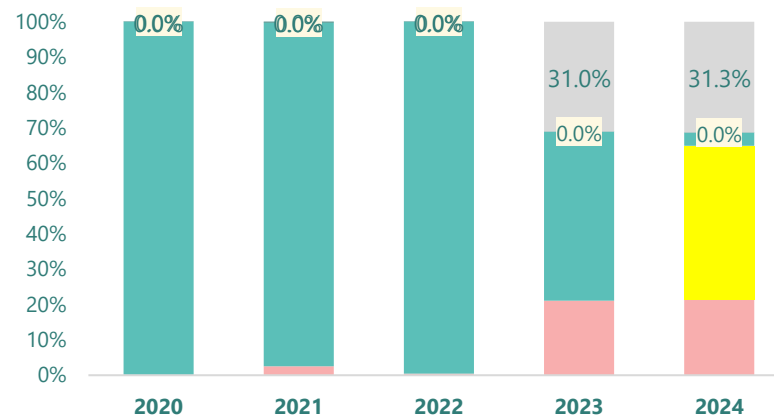
Tổng TS



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

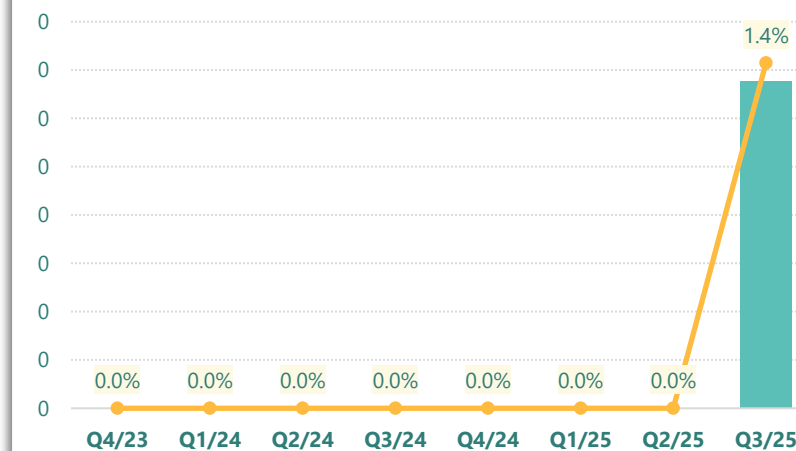


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

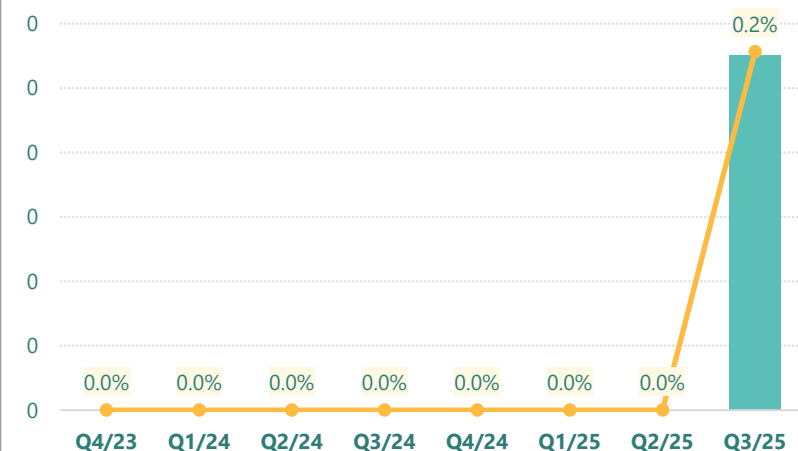


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

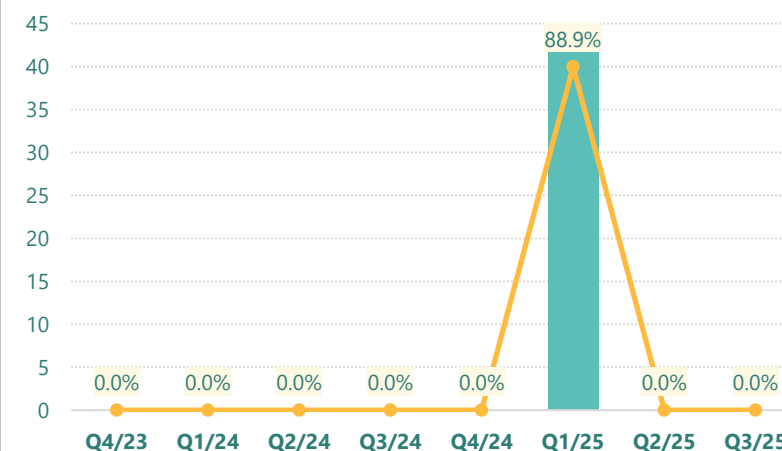


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

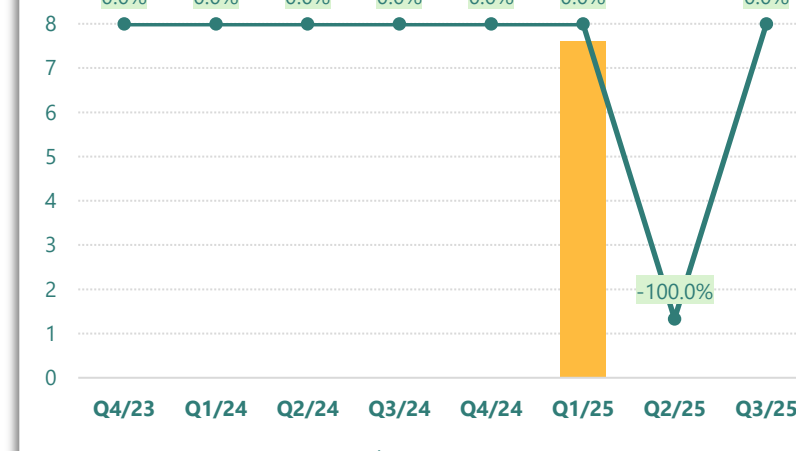


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



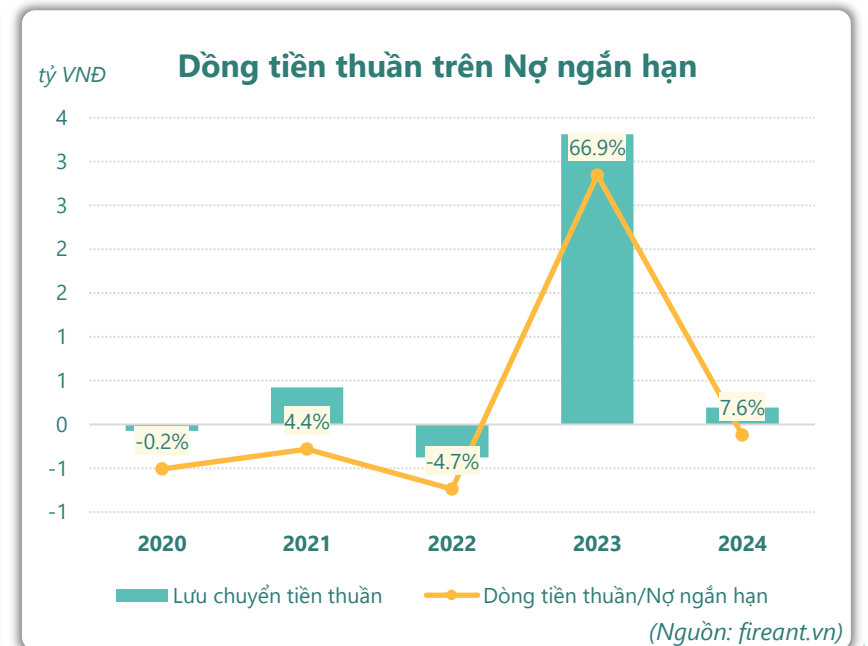
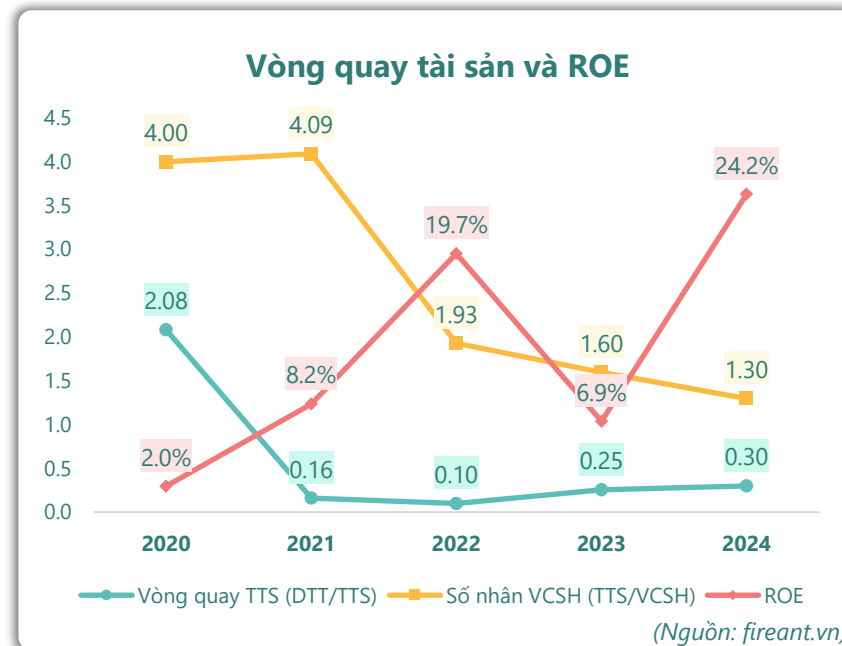
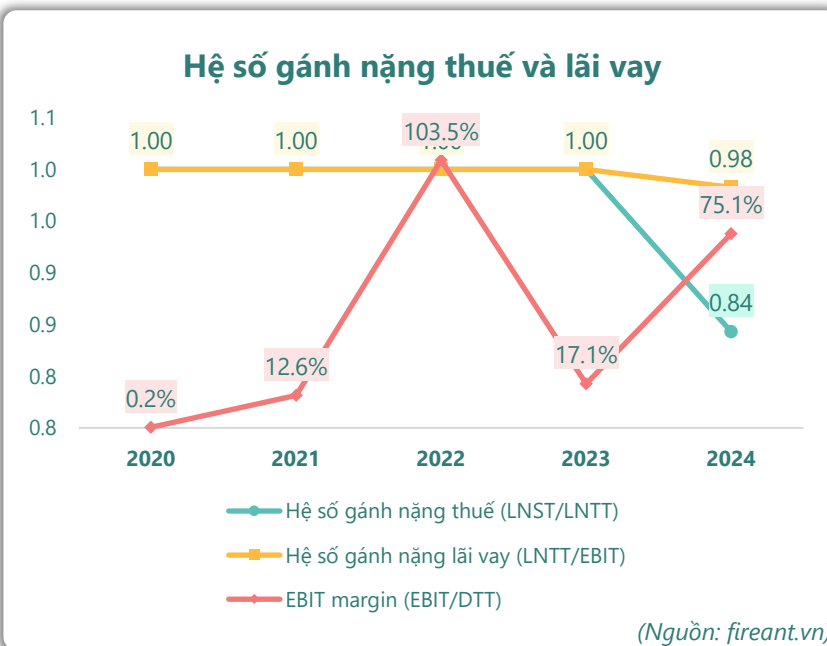
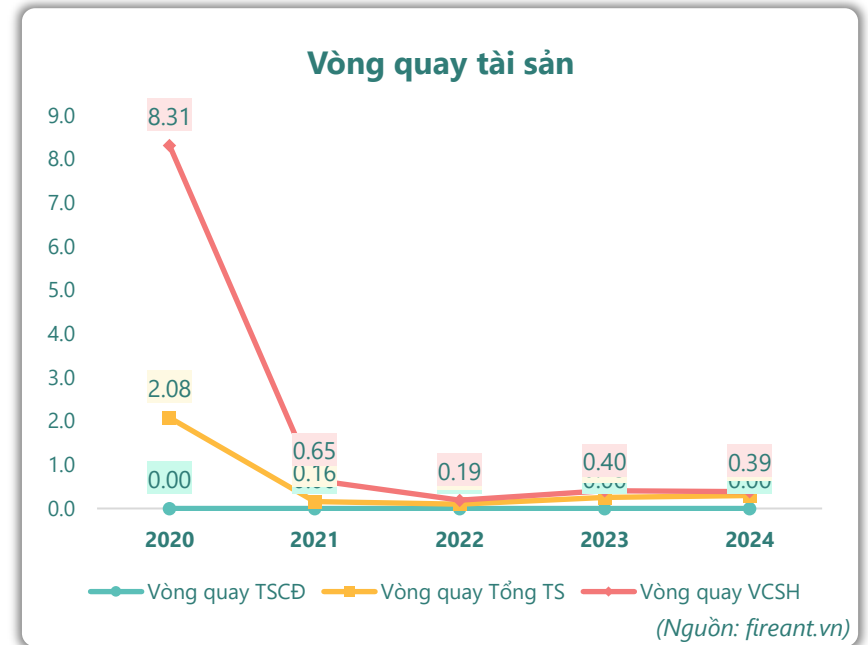
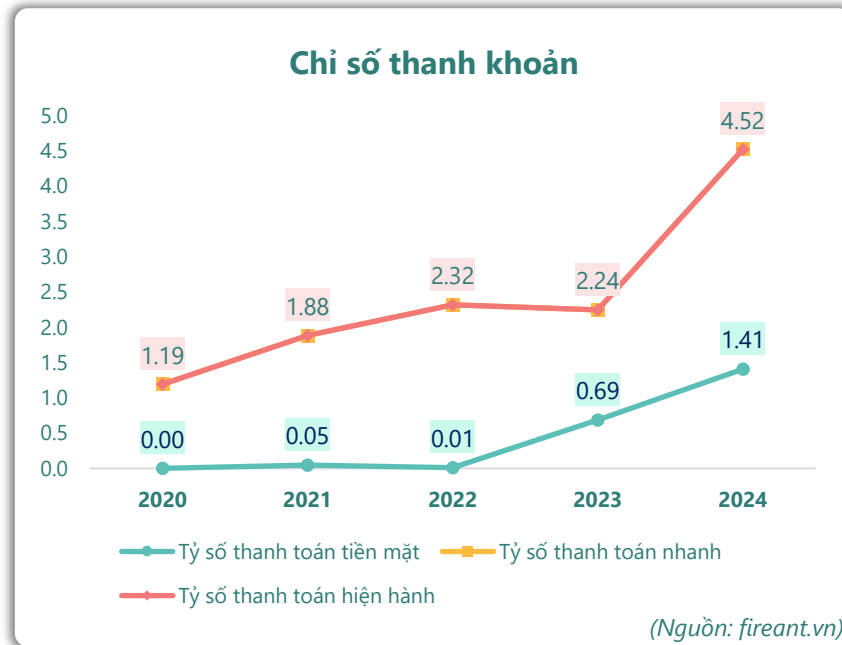
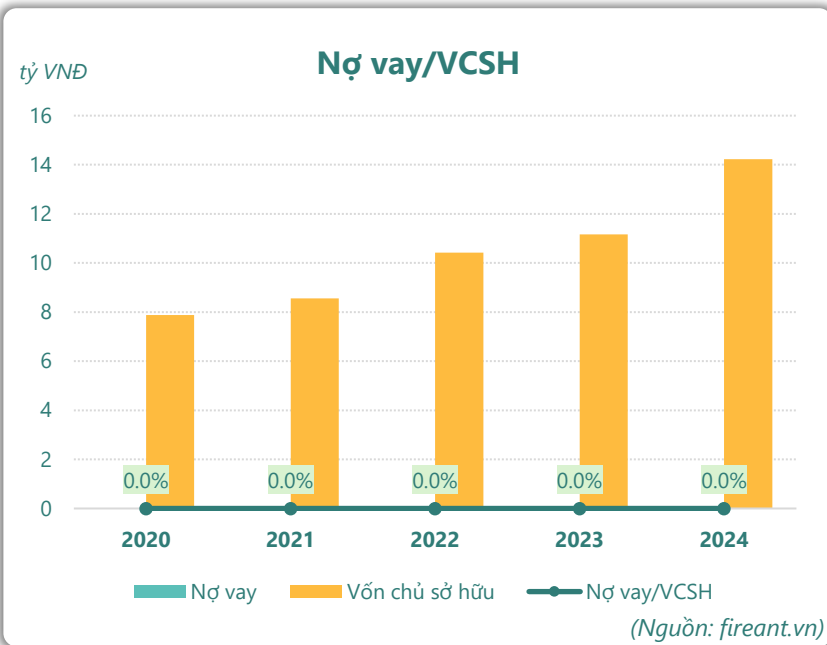
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	67.8	3.73	1717%	67.8	4.93	1274%
Giá vốn hàng bán	66.8	3.68	1716%	66.8	4.88	1269%
Lợi nhuận gộp	0.96	0.05	1828%	0.96	0.05	1749%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.63	-91.5%	0.64	1.41	-54.5%
Chi phí TC	0.00	0.12	-100.0%	0.21	0.32	-36.0%
Chi phí lãi vay	0	0.03	-100%	0.20	0.05	313%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.10	0.00		0.10	0	
Chi phí QLDN	0.61	0.21	190%	0.82	0.45	82.0%
LN thuần từ HĐKD	0.31	0.35	-11.6%	0.48	0.69	-30.2%
Lợi nhuận khác	0	0.19	-100%	0	0.19	-100%
LN trước thuế	0.31	0.54	-42.7%	0.48	0.89	-45.4%
Lợi nhuận sau thuế	0.18	0.52	-64.5%	0.32	0.87	-62.6%
LNST của CĐ cty mẹ	0.03	0.52	-93.4%	0.17	0.87	-79.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.22	2.16	-2.21	1.33	-0.25	-1.97
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.01	-4.94	0.01	-12.5	18.2	2.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	7.60	-7.60	0
Tiền đầu kỳ	7.34	8.56	5.78	3.58	0.05	10.4
Lưu chuyển tiền thuần	1.22	-2.78	-2.20	-3.53	10.4	0.97
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.56	5.78	3.58	0.05	10.4	11.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	23.7	16.8	41.3%
Tài sản ngắn hạn	23.1	11.5	100%
Tiền và tương đương tiền	11.4	3.58	218%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	7.30	-100%
Phải thu ngắn hạn	11.6	0.62	1766%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.10	0.02	465%
Tài sản dài hạn	0.61	5.25	-88.3%
Phải thu dài hạn	0	5.25	-100%
Tài sản cố định	0.34	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.06	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.02	0	
Lợi thế thương mại	0.20	0	
Nợ phải trả	7.23	2.55	184%
Nợ ngắn hạn	7.23	2.55	184%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.18	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	16.5	14.2	15.8%
Vốn chủ sở hữu	16.5	14.2	15.8%
Vốn điều lệ	20.0	20.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

